

Kiên định tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh giữ gìn “hồn dân tộc”, đón nhận “trí tuệ nhân loại” trong kỷ nguyên số

Ngày nhận bài: 03/02/2026 | Ngày phản biện: 05/02/2026 | Ngày xuất bản: 03/04/2026

Tác giả: Phạm Thanh Thuỷ (Trường Đại học Đà Lạt 3); Trần Thị Thuý Nga (Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích giá trị thời đại của tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa giữ gìn “hồn dân tộc” và tiếp thu “trí tuệ nhân loại” trước tác động mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp 4.0. Từ việc nhận diện các nguy cơ “xâm lăng văn hóa” và “lai căng giá trị”, bài viết đề xuất phương thức sử dụng công nghệ số để lan tỏa di sản và thiết lập “bộ lọc văn hóa” để tiếp nhận tri thức nhân loại trên cơ sở có chọn lọc. Từ đó, khẳng định việc kiên định tư tưởng Hồ Chí Minh là giải pháp then chốt để xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc, giúp Việt Nam hội nhập sâu rộng mà không bị hòa tan trong kỷ nguyên số.

1. Đặt vấn đề

Nếu công nghệ là đòn bẩy giúp quốc gia tiếp cận tri thức nhân loại và hội nhập quốc tế sâu rộng, thì mặt trái của nó lại là nguy cơ “xâm lăng văn hóa” hiện hữu. Sự tác động của các giá trị “văn hóa số” và trào lưu “ngoại lai” đang âm thầm xói mòn những giá trị cốt lõi, khiến thế hệ trẻ đứng trước nguy cơ đánh mất bản sắc ngay trên chính quê hương mình. Phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đòi hỏi chúng ta phải “khẳng định vị thế, tầm vóc nền văn hoá Việt Nam xứng tầm một quốc gia phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có truyền thống văn hoá, văn hiến lâu đời, đóng góp xứng đáng vào dòng chảy văn minh nhân loại” (Bộ Chính trị, 2026). Trước đòi hỏi cấp thiết về việc hài hòa giữa chuyển đổi số và bảo tồn di sản, làm sao để chuyển đổi số và hội nhập sâu rộng mà không lạc mất “hồn cốt” dân tộc, việc soi chiếu vào hệ giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành tất yếu khách quan. Bài viết tập trung luận giải tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và

sự vận dụng sáng tạo tư tưởng của Người về văn hoá trong kỷ nguyên số. Từ đó, xác định chiến lược để Việt Nam vừa bảo tồn vẹn nguyên “hồn dân tộc”, vừa chủ động tiếp biến “trí tuệ nhân loại”, vững vàng vươn mình trong kỷ nguyên mới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nhằm làm rõ giá trị thời đại của tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại trong kỷ nguyên số, bài viết được triển khai trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời kết hợp linh hoạt các cách tiếp cận chuyên ngành và liên ngành. Cụ thể:

Trước hết, bài viết vận dụng phương pháp duy vật biện chứng để nhìn nhận tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa như một hệ thống lý luận mở và vận động không ngừng. Từ đó, làm rõ mối quan hệ mật thiết giữa yêu cầu bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc với việc tiếp thu chọn lọc tinh hoa nhân loại trong bối cảnh mới.

Thứ hai, bài viết sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu nhằm đối chiếu di sản của Người với các văn kiện của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 80-NQ/TW và Văn kiện Đại hội XIV, làm rõ sự vận dụng tư tưởng này trong bối cảnh chuyển đổi số. Cách tiếp cận này giúp nhận diện các nguy cơ “xâm lăng văn hóa” từ những nền tảng truyền thông xuyên biên giới như Netflix, Facebook, TikTok. Từ đó, đề cập những cách thức vận dụng sáng tạo tư tưởng của Người để xây dựng văn hóa Việt Nam kiên định cội nguồn dân tộc, đủ bản lĩnh để hấp thụ “trí tuệ nhân loại” và biến công nghệ thành động lực để phát triển đất nước.

Thứ ba, thông qua sự kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp logic, không chỉ hệ thống hóa các luận điểm cốt lõi của Hồ Chí Minh về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại mà còn làm nổi bật tầm nhìn vượt thời đại của quan điểm “gạn đục khơi trong”. Đây chính là nền tảng lý luận vững chắc để tiếp biến tri thức nhân loại mà không làm mất đi “hồn dân tộc”.

Cuối cùng, sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành giữa văn hóa học, chính trị học và truyền thông số để đánh giá tác động của kỷ nguyên số đến lĩnh vực văn hóa. Nghiên cứu làm rõ tính cấp thiết của việc bảo vệ chủ quyền văn hóa số, đồng thời khẳng định giá trị định hướng của tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc giữ gìn bản sắc văn

hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa nhân loại hiện nay.

3. Kết quả nghiên cứu và Thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Một là, giữ gìn “hồn dân tộc” là cái gốc vững chắc của sự phát triển

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, “hồn dân tộc” hay bản sắc văn hóa không phải là một khái niệm trừu tượng mà được cấu trúc qua hai hệ giá trị. Một là, hệ giá trị tinh thần, bao gồm lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý chí tự cường tự tôn dân tộc và chủ nghĩa nhân văn. Hai là, hệ giá trị hình thức kết tinh qua ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lễ hội, truyền thống và phương thức tư duy. Đây là những đặc điểm nhận dạng giúp phân biệt dân tộc này với dân tộc khác. Nếu đánh mất đi những giá trị cốt lõi này, dân tộc sẽ rơi vào tình trạng mất gốc, dễ dàng bị đồng hóa và lung lay trước những biến động của thời đại. Do đó, việc hiểu rõ cội nguồn là yêu cầu bắt buộc để mỗi cá nhân định vị bản thân trong thế giới. Trong tác phẩm “Lịch sử nước ta” (1942), Người đã nêu rõ: “Dân ta phải biết sử ta. Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam” (Hồ Chí Minh, Tập 3, 2011).

“Hồn dân tộc” trong tư tưởng Hồ Chí Minh còn gắn liền mật thiết với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Người coi tiếng mẹ đẻ là tài sản vô giá, đồng thời là vũ khí sắc bén để bảo vệ chủ quyền văn hóa trước các nguy cơ ngoại lai. Người căn dặn: “Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp” (Hồ Chí Minh, Tập 13, 2011). Thực tế đã chứng minh, dù am tường nhiều ngoại ngữ, nhưng trong các văn bản quan trọng hay diễn văn trước đồng bào, Hồ Chí Minh luôn ưu tiên lối diễn đạt giản dị, đậm chất dân gian để thực hiện hóa mục tiêu trao quyền hưởng thụ văn hóa cho nhân dân.

Minh chứng sống động nhất cho quan điểm văn hóa là “gốc” chính là phong trào “Bình dân học vụ” (1945). Ngay sau khi giành độc lập, với triết lý “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” (Hồ Chí Minh, Tập 4, 2011), Người đã ký sắc lệnh diệt “giặc dốt”

nhằm nâng cao dân trí. Người khẳng định: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi. Văn hóa lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường và tự chủ” (Hồ Chí Minh, Tập 7, 2011). Ở đây, văn hóa đóng vai trò như một chiếc “la bàn” tư tưởng, giúp dân tộc xác định phương hướng đúng đắn giúp quốc gia “hòa nhập nhưng không hòa tan” giữa dòng chảy toàn cầu.

Khi biên giới địa lý có xu hướng mờ nhòa trên không gian ảo, thì việc xây dựng một “biên giới mềm” về văn hóa phải càng trở nên sắc nét. Bản sắc văn hóa lúc này chính là chiếc “neo” giữ cho con thuyền quốc gia ổn định, tránh nguy cơ bị đồng hóa bởi đại dương dữ liệu xuyên biên giới. Sự kế thừa tư tưởng này đã được cụ thể hóa trong các Nghị quyết của Đảng về phát triển công nghiệp văn hóa, nhằm biến di sản thành “sức mạnh mềm” thúc đẩy sự phát triển toàn diện của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Hai là, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại là động lực của sự văn minh

Nếu “hồn dân tộc” được coi là cái “gốc” tạo nên sự ổn định bền vững, thì việc tiếp thu “tri thức nhân loại” chính là xung lực tất yếu để dân tộc vươn tới trình độ văn minh hiện đại. Hồ Chí Minh không bao giờ coi văn hóa là một hệ thống khép kín hay biệt lập, mà là một dòng chảy không ngừng, nơi tinh hoa của các dân tộc cần được giao thoa và bồi đắp lẫn nhau. Theo Người: “Văn hóa Việt Nam là ảnh hưởng lẫn nhau của văn hóa Đông phương và Tây phương chung đúc lại...” (Hồ Chí Minh, Về văn hoá, 1997). Giữ gìn bản sắc hoàn toàn không đồng nghĩa với sự đóng kín; trái lại, Người chủ trương: “Đông phương hay Tây phương có cái gì tốt ta học lấy để tạo ra một nền văn hóa Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hóa xưa và văn hóa nay, trau dồi cho văn hóa thật có tinh thần thuần túy Việt Nam để hợp với tinh thần dân chủ” (Hồ Chí Minh, Về văn hoá, 1997).

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, “hồn dân tộc” đóng vai trò là “gốc”, thì “trí tuệ nhân loại” chính là “dưỡng chất”. Việc tiếp thu “trí tuệ nhân loại” phải phục vụ tối thượng cho mục tiêu quốc gia, tuyệt đối không biến bản sắc thành bản sao của bất kỳ nền văn hóa nào khác. Đây không phải là sự sao chép máy móc, mà là quá trình chắt lọc những giá trị tiến bộ nhất.

Trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo, “Việt hóa” lý luận để đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Tư tưởng của Người là sự dung hợp tinh tế giữa tiếp thu văn minh phương Tây nhưng vẫn giữ trọn cốt cách

phương Đông qua lăng kính đạo đức Nho giáo và triết lý Phật giáo. Đặc biệt, trong bản Tuyên ngôn Độc lập, Người đã khéo léo sử dụng các giá trị phổ quát về nhân quyền của phương Tây để nâng tầm và khái quát thành “quyền dân tộc”, tạo lập cơ sở pháp lý vững chắc cho nền độc lập nước nhà.

Trong bối cảnh hiện nay, khi trí tuệ nhân tạo và không gian số xóa nhòa mọi khoảng cách địa lý, luận điểm của Hồ Chí Minh càng trở nên quý giá. Việc tiếp thu “trí tuệ nhân loại” ngày nay không chỉ dừng lại ở việc trau dồi tri thức mà còn là khả năng làm chủ dữ liệu toàn cầu và công nghệ số để phục vụ khát vọng phát triển đất nước. Tuy nhiên, nếu không có sự kiên định tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta dễ bị lạc lối trước sự tấn công của các giá trị lệch lạc. Chính vì vậy, vận dụng tư tưởng của Người giúp chúng ta chủ động nắm bắt cơ hội thời đại nhưng vẫn giữ vững được cốt cách dân tộc, đảm bảo cho sự phát triển của Việt Nam là một sự vươn mình đầy tự trọng và văn minh.

3.1.2. Những thách thức đối với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại trong kỷ nguyên số

Thứ nhất, thách thức về “chủ quyền văn hóa” và nguy cơ xâm lăng từ “biên giới mềm”

Hiện nay, sự chi phối mạnh mẽ của các nền tảng phát trực tuyến như Netflix cùng các mạng xã hội xuyên biên giới như Facebook, TikTok đang âm thầm định hình lại thị hiếu thẩm mỹ và lối sống của thế hệ trẻ. Chúng ta dễ dàng nhận thấy sự hưởng ứng cuồng nhiệt đối với các ngày lễ ngoại nhập như Halloween, Black Friday hay Valentine, trong khi nhiều lễ hội truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc lại dần trở nên mờ nhạt hoặc bị xem nhẹ. Các chuẩn mực về giá trị sống và nhân sinh quan đang dần bị rập khuôn theo các mô hình do thuật toán phương Tây quảng bá. Hệ lụy báo động là tình trạng “nhạt sử, phai dòng” trong một bộ phận giới trẻ.

Nhìn nhận về vấn đề này, các văn kiện và phát biểu chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã thẳng thắn chỉ ra những hạn chế trong quản lý và giáo dục văn hóa. Cụ thể, trong Hội nghị Văn hoá toàn quốc, Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh chúng ta “chưa coi trọng đúng mức và có biện pháp tích cực để giữ gìn, bảo vệ và phát huy những giá trị văn hoá tốt đẹp, đặc sắc của dân tộc” (Nguyễn Phú

Trọng, 2024). Do thiếu định hướng và sự tự giác trong tiếp biến, việc tiếp nhận văn hóa ngoại lai “nhiều khi bắt chước nước ngoài một cách nhố nhăng, phản cảm, không có chọn lọc” (Nguyễn Phú Trọng, 2024). Đây là những cảnh báo về nguy cơ đánh mất bản sắc nếu không có một chiến lược bảo tồn và phát huy nội lực văn hóa đủ mạnh trong bối cảnh hội nhập sâu rộng.

Thực trạng này đặt nước ta trước nguy cơ trực diện “xâm lăng văn hóa mềm”. Hệ lụy của việc thiếu hụt kiến thức lịch sử là tạo kẽ hở cho các thế lực thù địch xuyên tạc sự thật, từ đó làm suy giảm lòng yêu nước và niềm tin chính trị. Sự xâm nhập của các giá trị ngoại lai hiện nay đang tạo ra áp lực “đồng nhất hóa”, đẩy bản sắc dân tộc vào nguy cơ bị lấn át. Vì vậy, cần phải xác lập được một “bộ lọc số” thông minh và mạnh mẽ. Đây chính là điều kiện tiên quyết để vừa chủ động tiếp nhận tinh hoa tri thức nhân loại, vừa giữ vững lập trường tư tưởng và bảo vệ toàn vẹn “biên giới mềm” của văn hóa quốc gia trong không gian số.

Thứ hai, xung đột giữa “tốc độ công nghệ” và “chiều sâu bản sắc”

Đặc trưng của kỷ nguyên số là sự tôn sùng tốc độ, tính tức thời và sự thống trị của các định dạng nội dung ngắn, ngược lại, bản sắc văn hóa dân tộc vốn là thành quả của quá trình bồi tụ ngàn đời. Những giá trị di sản tiêu biểu như Nhã nhạc cung đình Huế, nghệ thuật Tuồng, Chèo, Cải lương hay nền nếp gia phong luôn đòi hỏi sự lắng đọng và thời gian thẩm thấu lâu dài, một trạng thái hoàn toàn đối lập với nhịp sống hối hả và đứt gãy của môi trường không gian mạng.

Hệ quả thực tế là sự phổ biến của thói quen “đọc nhanh, xem lướt” đang hình thành một bộ phận công chúng có xu hướng tiếp nhận văn hóa hời hợt, thiếu kiên nhẫn trước các giá trị hàn lâm. Tình trạng các làn điệu dân ca bị cắt ghép, phối lại (remix) trên nền nhạc điện tử để tạo trào lưu (trend) trên các nền tảng xuyên biên giới như TikTok là minh chứng điển hình. Dù mang lại hiệu ứng tương tác khủng, song cách tiếp cận này đã vô tình làm mất đi tính trang nghiêm, chiều sâu triết lý và tư tưởng nghệ thuật vốn có của di sản văn hóa dân tộc.

Trước thực trạng đó, vấn đề cấp bách đặt ra là phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa hiện đại và truyền thống. Một mặt, cần chủ động hiện đại hóa phương thức truyền tải thông qua số hóa di sản, ứng dụng công nghệ 3D Mapping, thực tế ảo để

rút ngắn khoảng cách giữa văn hóa truyền thống và công chúng số. Mặt khác, là tuyệt đối không được phép “dung tục hóa”, tầm thường hóa hay làm biến dạng hồn cốt di sản vì mục tiêu thương mại hoặc chạy theo những thị hiếu nhất thời, lệch lạc. Đây chính là bản lĩnh cần có để văn hóa có thể bắt nhịp cùng thời đại nhưng vẫn giữ vững nền tảng tinh thần dân tộc.

Thứ ba, sự đứt gãy thế hệ và nguy cơ “lai căng hóa” chủ thể văn hóa

Tiến trình tiếp biến văn hóa thiếu chọn lọc hiện nay đang gây ra những hệ lụy trực tiếp lên nhân tố con người, chủ thể sáng tạo và thụ hưởng văn hóa. Mặc dù không thể phủ nhận thế hệ “công dân số” Việt Nam sở hữu năng lực vượt trội trong việc tiếp cận tri thức toàn cầu, song đi kèm với đó là sự hiện diện ngày càng phổ biến của hiện tượng “lai căng” về văn hóa và ngôn ngữ. Hệ quả tất yếu của thực trạng này là nguy cơ hình thành một lớp người “mất gốc”, những cá nhân có thể ưu tú về kỹ năng công nghệ nhưng lại thiếu hụt căn tính dân tộc ngay trên chính quê hương mình. Yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải đổi mới giáo dục lịch sử và văn hóa để đảm bảo tính hấp dẫn trong kỷ nguyên số, nhưng vẫn giữ được bản sắc Việt trong tâm thức thế hệ trẻ. Từ những luận điểm trên, có thể khẳng định việc “xây dựng và phát triển văn hoá phải thực sự trở thành nền tảng vững chắc, sức mạnh nội sinh của dân tộc và hệ điều tiết cho phát triển nhanh, bền vững đất nước” (Bộ Chính trị, 2026) là đòi hỏi khách quan.

Hội nhập quốc tế mở ra cơ hội lớn để tiếp thu tinh hoa nhân loại, nhưng nó cũng đặt ra thách thức sống còn đối với sự tồn vong của các giá trị cốt lõi. Vì vậy, nhiệm vụ trọng tâm hiện nay là phải tập trung “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026) đồng thời phải “Bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế di sản” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026).

Thực tiễn đòi hỏi chúng ta phải nhận thức biện chứng rằng việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại là hai mặt thống nhất không thể tách rời. Để đạt được điều đó, việc vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ góp phần giúp Việt Nam vững vàng phát triển trong kỷ nguyên mới.

3.1.3. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại trong kỷ nguyên số

Thứ nhất, gìn giữ “hồn dân tộc” bằng công cụ của “trí tuệ nhân loại”

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về sự kết hợp hài hòa giữa bản sắc dân tộc và tinh hoa nhân loại, Văn kiện Đại hội XIV đã nâng tầm chiến lược giữ gìn “hồn dân tộc” bằng sức mạnh của “trí tuệ nhân loại” trong bối cảnh hiện nay. Điều này thể hiện rõ nét qua tư duy “xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026) . Thay vì bảo tồn tĩnh, Đảng chủ trương gắn với “phát triển kinh tế di sản” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026), đẩy mạnh chuyển đổi số và “phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên nền tảng số” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Đây là giai đoạn chuyển dịch tất yếu từ bảo tồn vật lý sang bảo tồn số, hiện thực hóa tư duy “bình mới rượu cũ”, lấy công nghệ hiện đại làm “bình” để tôn vinh và lưu giữ bản sắc dân tộc làm “rượu”. Việc ứng dụng các thành tựu của trí tuệ nhân loại như công nghệ thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) và trình chiếu ánh sáng 3D Mapping đã giúp chuyển hóa di sản từ trạng thái “tĩnh” sang “động”, từ “ngắm nhìn” thụ động sang “trải nghiệm” đa giác quan.

Chiến lược này không chỉ xóa nhòa khoảng cách không gian và thời gian mà còn thực hiện mục tiêu cốt lõi là biến di sản văn hóa thành tài sản, nguồn lực phát triển kinh tế di sản, đồng thời, “Bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị di sản văn hoá gắn với phát triển kinh tế di sản” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Hiệu quả thực tiễn được minh chứng qua các dự án trọng điểm như phục dựng điện Kính Thiên (Hoàng thành Thăng Long) bằng công nghệ 3D/VR, tour đêm “Tinh hoa đạo học” tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám hay hệ thống Tham quan ảo (Virtual Tour) tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia. Bên cạnh đó, “Đẩy mạnh lộ trình chuyển đổi số ngành văn hóa, xây dựng hệ sinh thái văn hóa số đồng bộ” (Chính phủ Việt Nam, 2026) nhằm quảng bá hình ảnh đất nước ra toàn cầu một cách bền vững và tối ưu.

Đối với thế hệ trẻ, là những “công dân số”, chiến lược này đóng vai trò như cầu nối thiết yếu để gắn kết quá khứ với tương lai. Chiến lược phát triển văn hóa đến năm

2030 đặc biệt chú trọng việc “Phát huy mạnh mẽ sức sáng tạo của nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ trong việc tạo dựng các sản phẩm văn hóa số” (Chính phủ Việt Nam, 2021). Khi làm chủ được kho dữ liệu số, thế hệ Gen Z không chỉ dừng lại ở vai trò thụ hưởng mà còn trở thành những đại sứ văn hóa chủ động trên các nền tảng xuyên biên giới, có bản lĩnh để tự tin bước ra biển lớn với tâm thế hòa nhập nhưng không hòa tan.

Thứ hai, xây dựng “bộ lọc văn hóa”, đón nhận “trí tuệ nhân loại” với bản lĩnh Việt Nam

Trong tiến trình hội nhập quốc tế, việc xây dựng “bộ lọc văn hóa” theo định hướng Văn kiện Đại hội XIV và Nghị quyết 80-NQ/TW (2026) không phải là sự ngăn chặn cực đoan, mà nhằm thiết lập cơ chế tự bảo vệ và tiếp biến văn hóa chủ động. Vận dụng chỉ dẫn “gạn đục khơi trong” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, “bộ lọc văn hóa” này được cấu thành từ sự giao thoa giữa hàng rào kỹ thuật hiện đại và hàng rào nhận thức vững chắc.

Về mặt thiết chế và công nghệ, Đảng chủ trương: “Hoàn thiện thiết chế an ninh văn hóa số; chủ động ngăn chặn, bóc gỡ các thông tin xấu độc, xuyên tạc lịch sử... từ sớm, từ xa” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Việc xây dựng bộ tiêu chí ứng xử, đánh giá sản phẩm văn hóa trên không gian mạng dựa trên hệ giá trị quốc gia và chuẩn mực đạo đức con người Việt Nam chính là khung tham chiếu pháp lý để sàng lọc nội dung ngoại lai. Thực tiễn triển khai qua vai trò của Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC) hay việc yêu cầu các nền tảng xuyên biên giới tuân thủ pháp luật Việt Nam là minh chứng cho bộ lọc quản lý nhà nước. Đồng thời, việc khuyến khích sản xuất nội dung số về lịch sử, văn hóa trên các kênh YouTube, TikTok đã tạo nên một sự chọn lọc tích cực, lấy cái đẹp dẹp cái xấu.

Về mặt con người, trọng tâm là nâng cao “dân trí số”. Bằng cách tích hợp kỹ năng an toàn thông tin và giáo dục lịch sử theo tinh thần “dân ta phải biết sử ta”. Khi thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại, mỗi công dân sẽ tự hình thành khả năng kháng cự trước thông tin độc hại. Các trào lưu như “Tự hào một dải non sông” (treo bản đồ Việt Nam tại nơi làm việc, không gian mạng) hay việc thanh niên Việt Nam đồng loạt lên tiếng phản đối các nhãn hàng sử dụng hình ảnh “đường lưỡi bò” là minh chứng cho một hệ miễn dịch tinh thần cực kỳ nhạy bén. Sự bùng nổ của các dự án như Đại Việt Cổ Phong, hay việc

tái hiện lịch sử qua các MV âm nhạc và các sản phẩm du lịch thực tế ảo (VR) tại Cố đô Huế, Hoàng thành Thăng Long. Đây chính là cách dùng trí tuệ thế giới để kể câu chuyện Việt Nam, tạo ra “màng lọc chủ động” thu hút giới trẻ quay về với giá trị gốc.

Về định hướng tiếp nhận, Việt Nam chủ trương đón nhận trí tuệ nhân loại để “Việt hóa”. Đảng định hướng: “Ưu tiên tiếp thu các thành tựu khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI) có tính ứng dụng cao, phù hợp với định hướng phát triển bền vững và nhân văn của Việt Nam” (Chính phủ Việt Nam, 2026). Quá trình này tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc “hòa nhập nhưng không hòa tan”, đảm bảo tri thức quốc tế được “bản địa hóa”, tránh sao chép máy móc. Việc phát triển các mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt (như ViGPT của VinAI hay các giải pháp AI của FPT, Viettel) là ví dụ cụ thể cho việc “Việt hóa” trí tuệ nhân loại. Thay vì sử dụng hoàn toàn AI ngoại quốc, Việt Nam xây dựng AI dựa trên dữ liệu văn hóa, lịch sử và ngôn ngữ thuần Việt để lọc bỏ những định kiến hoặc sai lệch về căn tính dân tộc. Sự tự chủ về công nghệ của các tập đoàn như Viettel, FPT trong nghiên cứu chip và thiết bị 5G chính là biểu hiện sinh động của trí tuệ Việt trên bản đồ văn minh thế giới.

Thứ ba, kiến tạo nền “văn hóa số” Việt Nam đậm đà bản sắc trong kỷ nguyên mới

Trên nền tảng quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ gìn bản sắc dân tộc đi đôi với tiếp thu tinh hoa nhân loại, Đảng xác định xây dựng môi trường “văn hóa số” là vấn đề sống còn để bảo vệ không gian tư tưởng của quốc gia. Môi trường “văn hóa số” này được kiến tạo dựa trên sự thống nhất biện chứng giữa hai trụ cột đó là sáng tạo và ứng xử, nhấn mạnh: “Phát huy mạnh mẽ sức sáng tạo của nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ trong việc tạo dựng các sản phẩm văn hóa số có giá trị tư tưởng và thẩm mỹ cao” (Chính phủ Việt Nam, 2021).

Trụ cột ứng xử đóng vai trò là hệ điều tiết tiêu chuẩn dựa trên đạo đức Hồ Chí Minh và truyền thống dân tộc. Chính phủ nêu rõ nhiệm vụ: “Ban hành Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số” (Chính phủ Việt Nam, 2026), hình thành thói quen đọc, xem, nghe và chia sẻ thông tin có trách nhiệm. Việc vận dụng “hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam” (Bộ Chính trị, 2026) làm thước đo hành vi giúp cụ thể hóa phương châm “xây” đi đôi với “chống”, từ đó xây dựng cơ chế sàng lọc, ngăn chặn có hiệu quả các sản phẩm văn hóa độc hại, lai

căng.

Môi trường số chỉ thực sự lành mạnh khi có sự giao thoa, vì thế phải xây dựng môi trường văn hóa số thực sự trở thành không gian nuôi dưỡng tâm hồn và trí tuệ, nơi sự sáng tạo được tôn trọng và các chuẩn mực ứng xử văn minh trở thành tự giác của mọi cư dân mạng theo định hướng tại các Nghị quyết của Đảng về văn hoá gần đây. Sáng tạo mà thiếu chuẩn mực sẽ dẫn đến hỗn loạn nhưng ứng xử thiếu sáng tạo sẽ gây nên sự trì trệ. Chỉ khi hai trụ cột này song hành, văn hóa số mới thực sự là nguồn nội sinh giúp Việt Nam tự tin hội nhập và vươn mình mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới.

3.2. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa vẫn giữ nguyên giá trị lý luận và thực tiễn trong việc định hướng chiến lược phát triển văn hóa của Việt Nam trong kỷ nguyên số. Cụ thể:

Một là, nghiên cứu khẳng định rằng, việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc không chỉ là yêu cầu mang tính truyền thống mà còn là điều kiện nền tảng bảo đảm cho sự phát triển bền vững của quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa. Theo Hồ Chí Minh, văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển xã hội, đồng thời đóng vai trò định hướng giá trị cho toàn bộ đời sống tinh thần của dân tộc. Vì vậy, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc cần được xem là nhiệm vụ chiến lược trong quá trình phát triển đất nước.

Hai là, bài viết làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa hai yếu tố giữ gìn “hồn dân tộc” và tiếp thu “trí tuệ nhân loại”. Trong đó, bản sắc dân tộc chính là nền tảng giúp dân tộc đứng vững trước những biến động của thời đại, còn việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại là động lực thúc đẩy đổi mới và phát triển. Hai yếu tố này không đối lập mà bổ sung cho nhau, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam.

Nghiên cứu chỉ ra rằng, trong bối cảnh kỷ nguyên số, các nền tảng truyền thông xuyên biên giới đang tác động mạnh mẽ đến nhận thức và lối sống xã hội, đặc biệt là giới trẻ. Điều này vừa mở ra cơ hội tiếp cận tri thức mới, vừa đặt ra nguy cơ phai nhạt bản sắc văn hóa nếu thiếu định hướng và khả năng chọn lọc. Vì vậy, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tiếp thu tinh hoa nhân loại gắn với giữ vững bản sắc dân tộc càng trở nên cần thiết.

Ba là, nghiên cứu cũng ghi nhận vai trò ngày càng rõ nét của thế hệ trẻ, đặc biệt là thế hệ Gen Z, trong việc tham gia bảo vệ và lan tỏa các giá trị văn hóa dân tộc trong không gian số. Họ không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà đã trở thành các "đại sứ văn hóa" chủ động. Các dự án như Đại Việt Cổ Phong hay việc phản đối nhãn hàng sử dụng "đường lưỡi bò" cho thấy một "hệ miễn dịch tinh thần" đang hình thành mạnh mẽ trong giới trẻ.

Bốn là, bài viết chỉ ra rằng, công nghệ số đang mở ra nhiều phương thức mới trong việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa. Các công nghệ như thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo có thể góp phần tái hiện, lưu trữ và quảng bá di sản văn hóa sinh động và hiệu quả hơn. Khi được ứng dụng đúng hướng, công nghệ không chỉ hỗ trợ công tác bảo tồn mà còn giúp lan tỏa các giá trị văn hóa truyền thống đến công chúng rộng rãi, đặc biệt là thế hệ trẻ và cộng đồng quốc tế.

Tuy nhiên, công nghệ không phải là yếu tố quyết định duy nhất trong quá trình phát triển văn hoá số. Vì thế, để quá trình tiếp nhận văn hóa quốc tế hiệu quả, cần xây dựng "bộ lọc văn hóa" dựa trên hệ giá trị dân tộc, đồng thời phát huy vai trò của chính sách văn hóa, giáo dục và ý thức của mỗi cá nhân.

Từ đó có thể khẳng định việc vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay không chỉ góp phần bảo tồn bản sắc dân tộc mà còn tạo ra nền tảng để Việt Nam hội nhập quốc tế một cách chủ động và bền vững. Đây chính là định hướng quan trọng để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam hiện đại, giàu bản sắc, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong thế kỷ XXI.

4. Kết luận

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định, tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại vẫn vẹn nguyên giá trị thời đại. Những chỉ dẫn của Người chính là "kim chỉ nam" để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc, tạo nền tảng vững chắc giúp Việt Nam chủ động hội nhập và định vị bản lĩnh quốc gia trong kỷ nguyên số.

Thực tiễn cho thấy, bản sắc văn hoá dân tộc là điểm tựa vững chắc đảm bảo tính độc lập, còn trí tuệ nhân loại và công nghệ tiên tiến là nguồn động lực thúc đẩy sự đổi mới, phát triển. Trong bối cảnh toàn cầu hoá và “thế giới phẳng”, nếu đánh mất bản sắc văn hoá, dân tộc sẽ đối mặt với nguy cơ hòa tan nhưng chối bỏ tri thức nhân loại, chúng ta sẽ tự đẩy mình vào sự tụt hậu và cô lập trong tiến trình phát triển. Do đó, kiên định tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá trong giai đoạn hiện nay đồng nghĩa với việc thực thi chiến lược “song hành”, quyết liệt chuyển đổi số, làm chủ công nghệ để sánh vai với các cường quốc năm châu, đồng thời bền bỉ gìn giữ, bồi đắp những giá trị cốt lõi của văn hóa dân tộc để định vị quốc gia. Chỉ có như vậy, chúng ta mới kiến tạo được một Việt Nam giàu bản sắc, vững tư duy và văn minh trong hành động vững bước trong kỷ nguyên mới./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị. (2026). Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hoá Việt Nam. tr.2, tr.2, tr.7, tr.2.
2. Chính phủ Việt Nam. (2021). Quyết định số 1909/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030. tr. 6, tr.6.
3. Chính phủ Việt Nam. (2026). Nghị quyết số 12/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 115-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển vùng và các ngành kinh tế trọng điểm (trong đó có định hướng phát triển văn hóa). tr.19.
4. Chính phủ Việt Nam. (2026). Nghị quyết số 30/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên số. tr.4.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập 1). Chính trị quốc gia Sự thật. tr.147.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. tr.27, tr.27, tr.27, tr.27, tr.28, tr.27.
7. Hồ Chí Minh. (1997). Về văn hóa . Bảo tàng Hồ Chí Minh. tr.358, tr. 351.
8. Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập (Tập 7, tr. 246–247). Chính trị quốc gia Sự thật.
9. Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập (Tập 13, tr. 465). Chính trị quốc gia Sự thật.
10. Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập (Tập 3, tr. 255). Chính trị quốc gia Sự thật.
11. Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập, (Tập 4, tr. 7). Chính trị quốc gia Sự thật.
12. Nguyễn Phú Trọng. (2024). Bộ Công thương Việt Nam. Toàn văn bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú trọng tại Hội nghị Văn hoá toàn quốc. Được truy lục từ <https://moit.gov.vn/tin-tuc/hoat->

